

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Ngày 15/01/2024	130,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.8%	26.2%	59.0%

DT thuần
Q4/23

325
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.0 | 9.8%
YoY: ▲ 43.0 | 15.2%

LN thuần
Q4/23

52.1
tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 27.9 | -34.8%
YoY: ▲ 10.6 | 25.6%

LN sau thuế
Q4/23

48.6
tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 25.0 | -33.9%
YoY: ▲ 11.8 | 32.2%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023

21.5%

YoY: +/- ▲ 3.8%

ROE
2023

30.3%

YoY: +/- ▲ 6.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	71,848 - 141,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,110
Số lượng CPLH (CP)	16,229,042
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,000
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.44)
EPS	12,962
P/E	10.5

DT thuần
2023

1,113
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 325 | 41.3%

LN thuần
2023

232
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 100 | 75.2%

LN sau thuế
2023

210
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 85.0 | 68.5%

Cơ cấu cổ đông

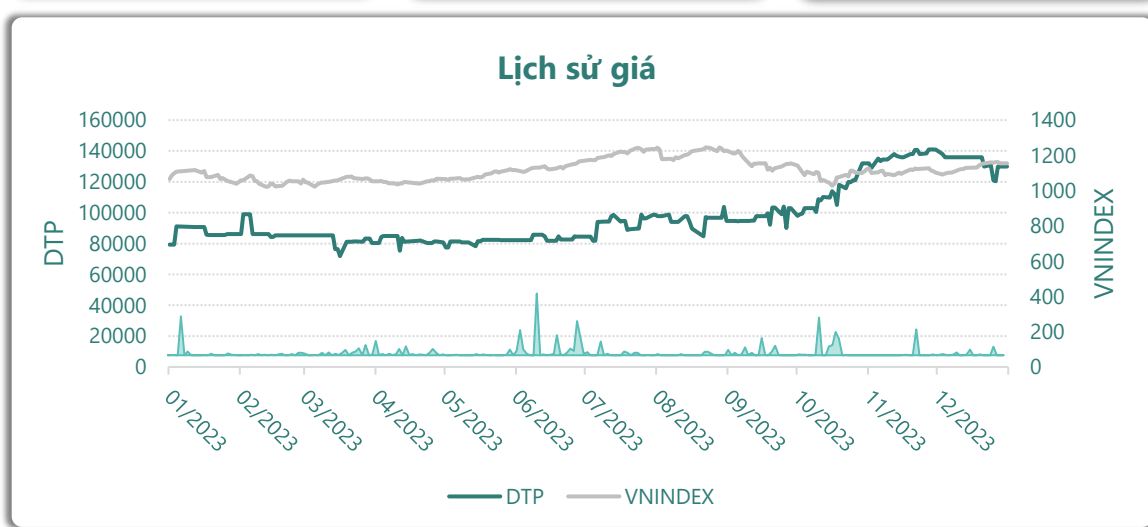
- Nguyễn Thanh Bình (Tổng giám đốc) - 19.3%
- Lê Thị Kim Ánh - 17.2%
- CTCP Dược phẩm Trung ương CPC1 - 16.4%
- Phùng Thanh Hương - 10.3%
- Lê Nam Thắng (Chủ tịch HĐQT) - 9.2%
- Khác - 27.6%

(Nguồn: fireant.vn)

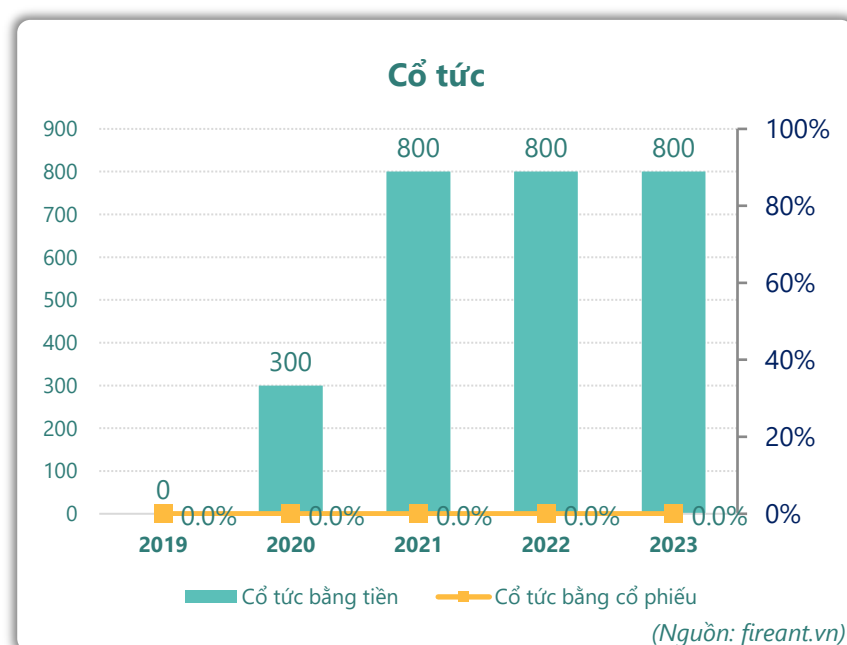
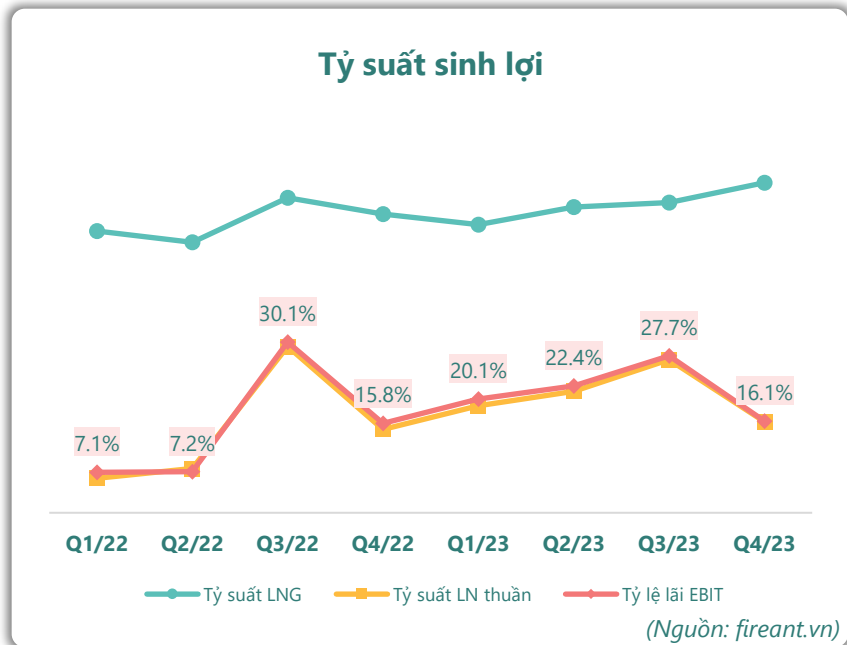
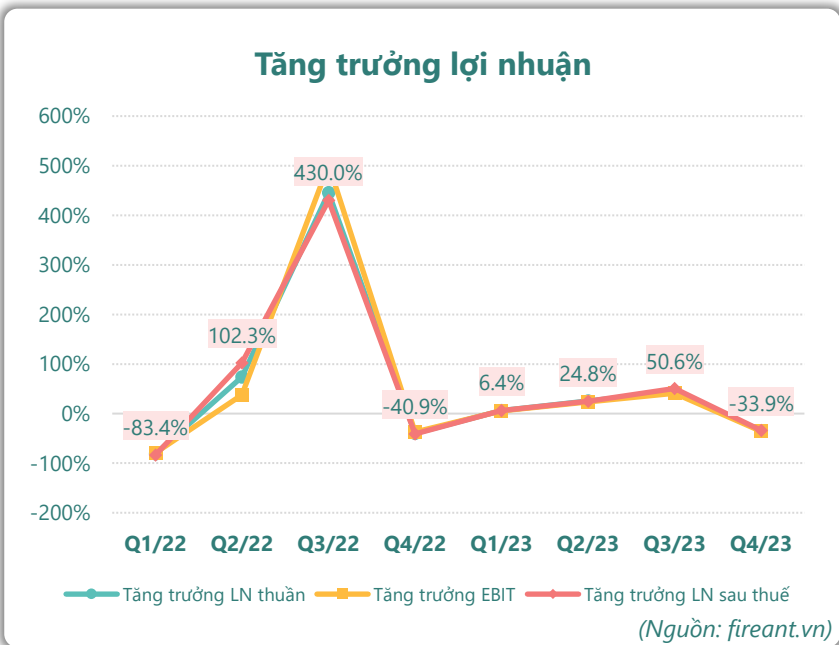
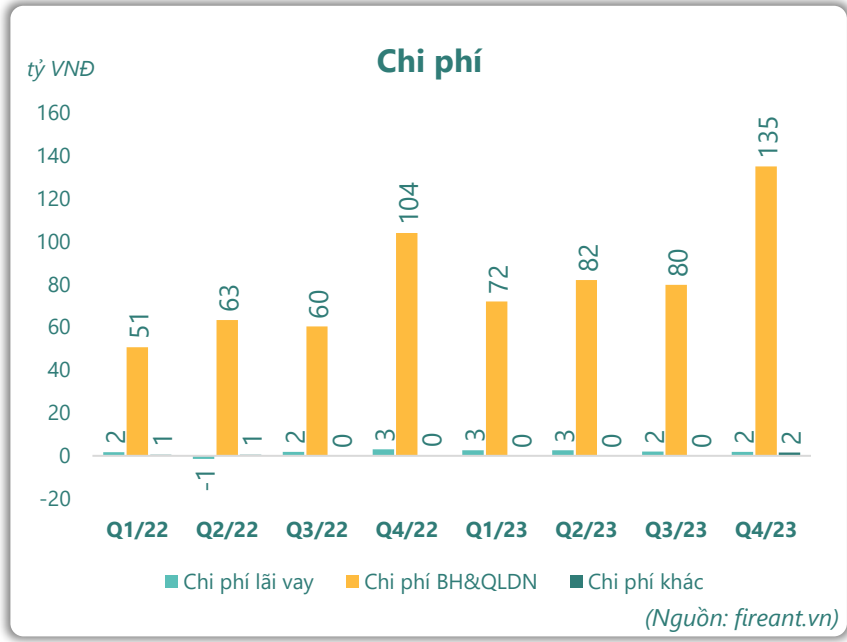
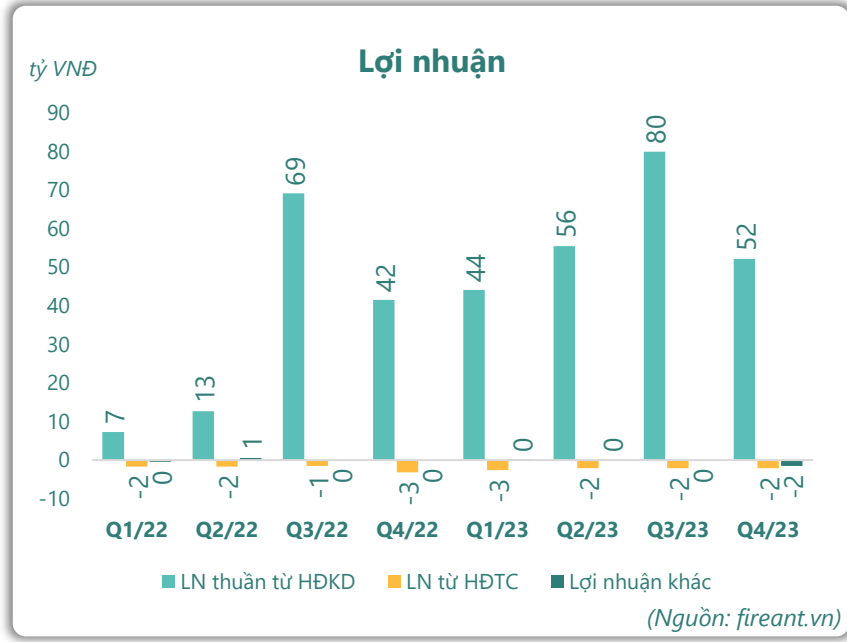
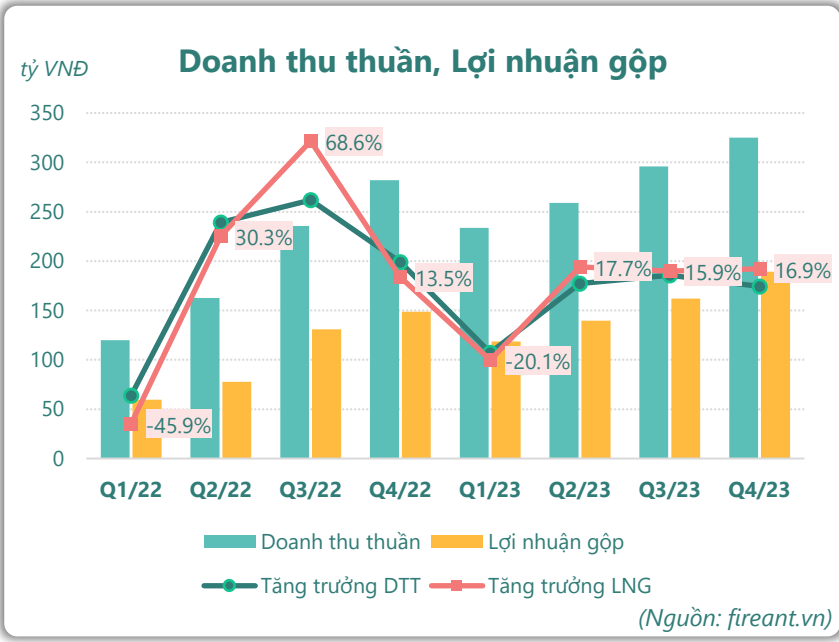
Cơ cấu sở hữu

- Sở hữu nước ngoài - 0.0%
- Sở hữu nhà nước - 16.4%
- Sở hữu khác - 83.6%

(Nguồn: fireant.vn)



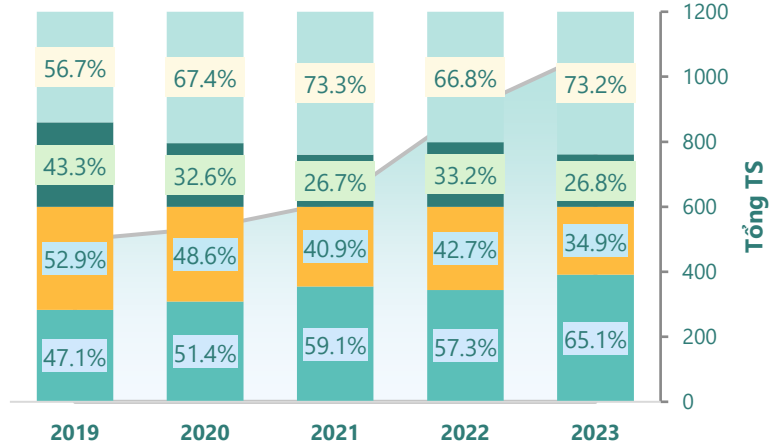
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

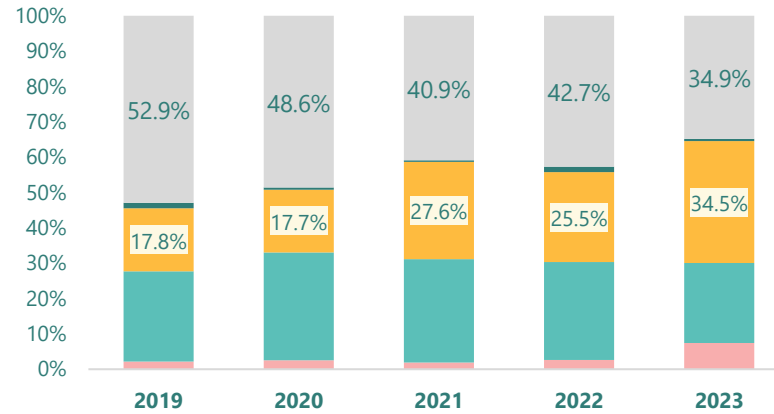
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

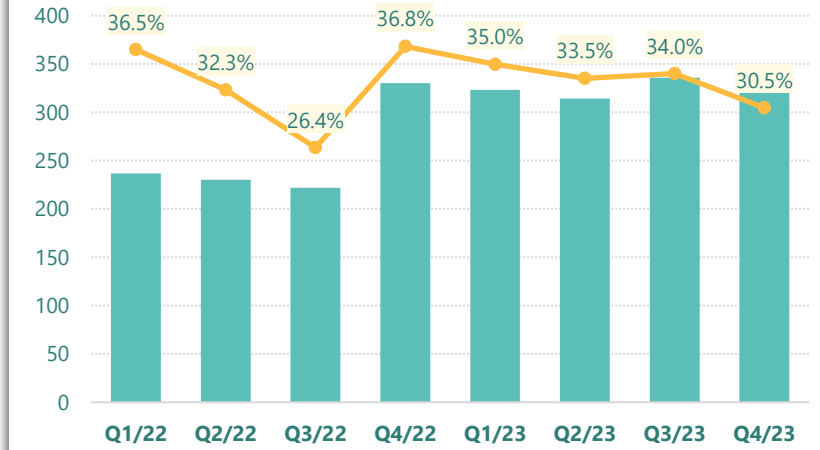


■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

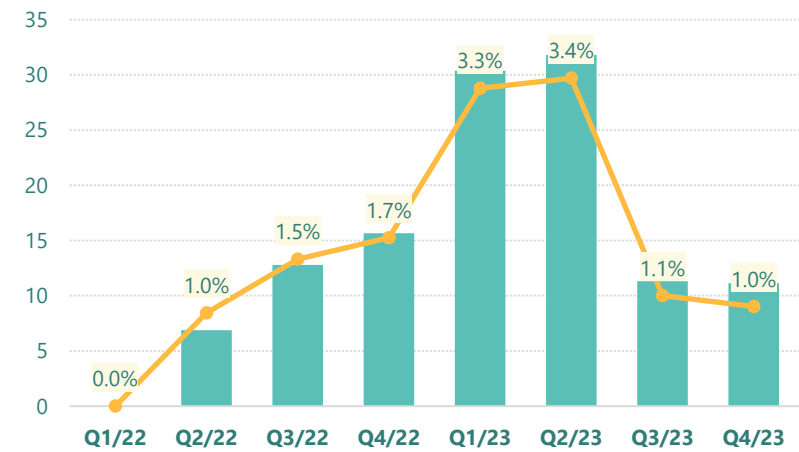


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

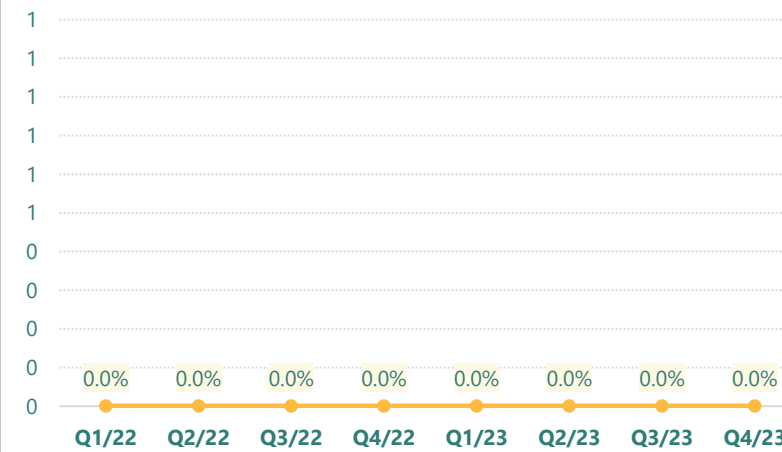


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

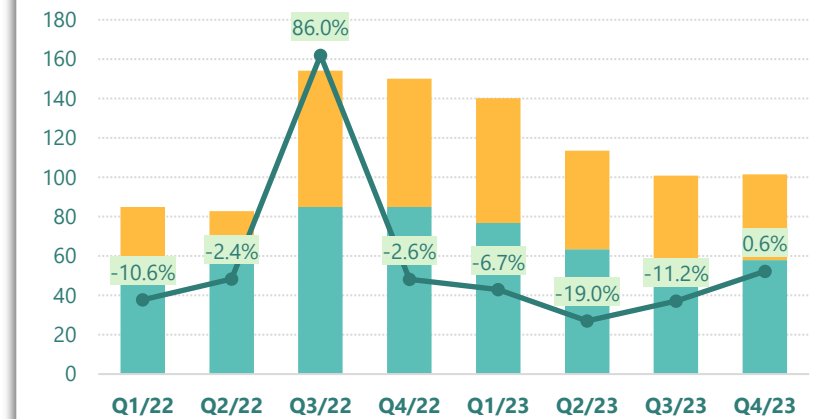


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

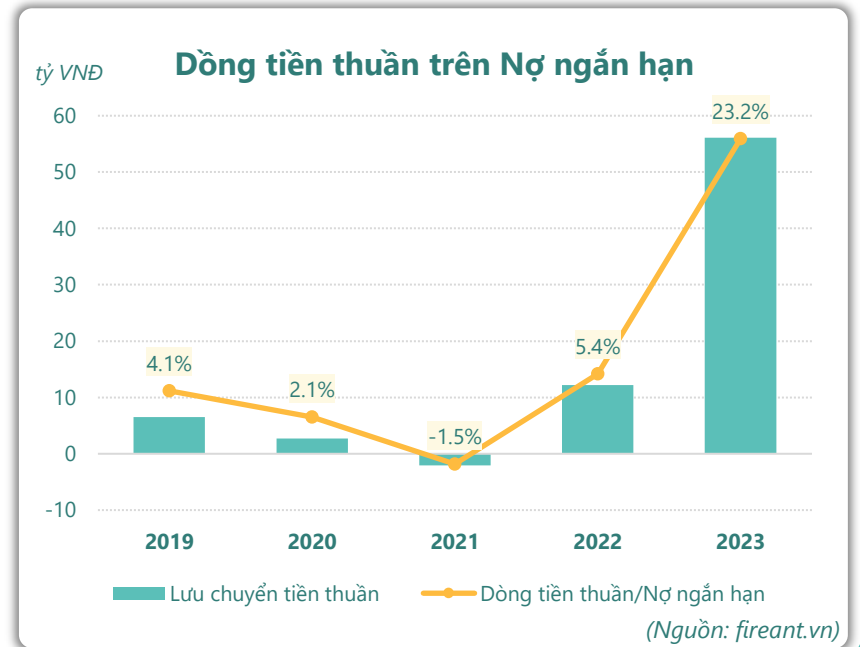
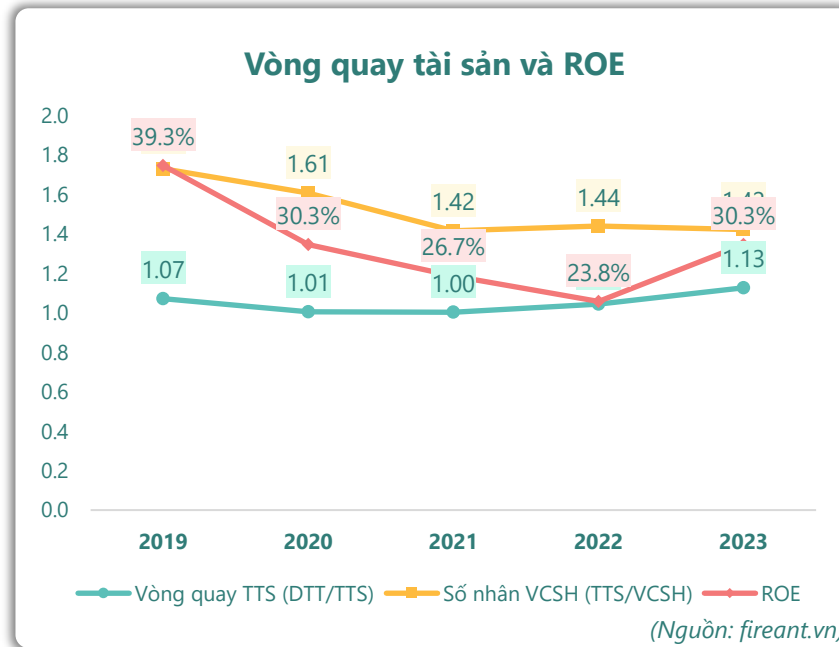
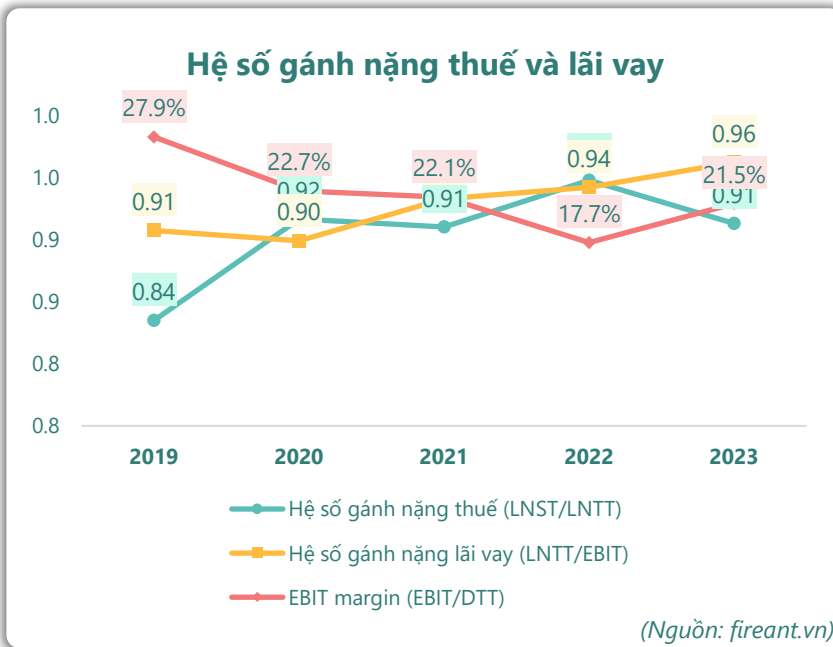
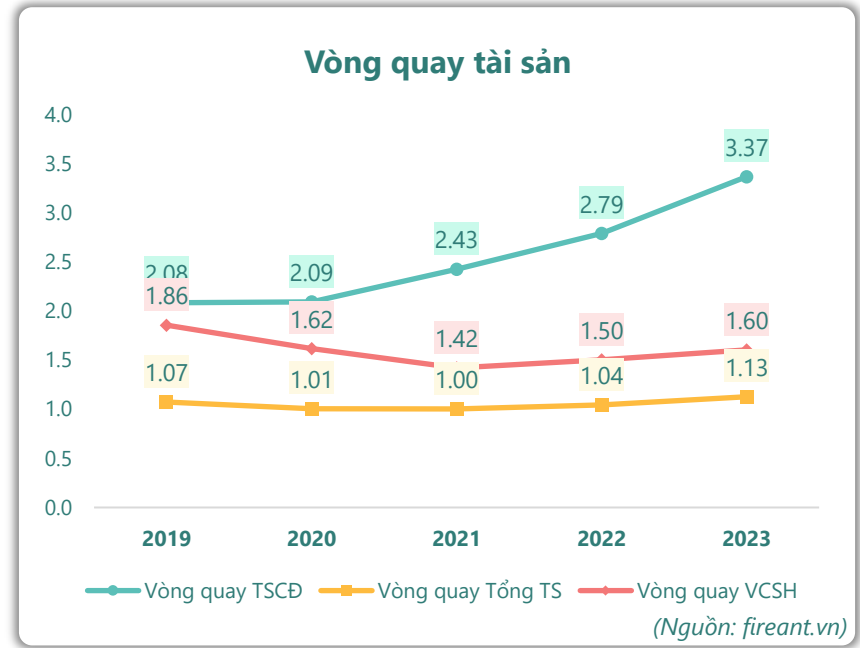
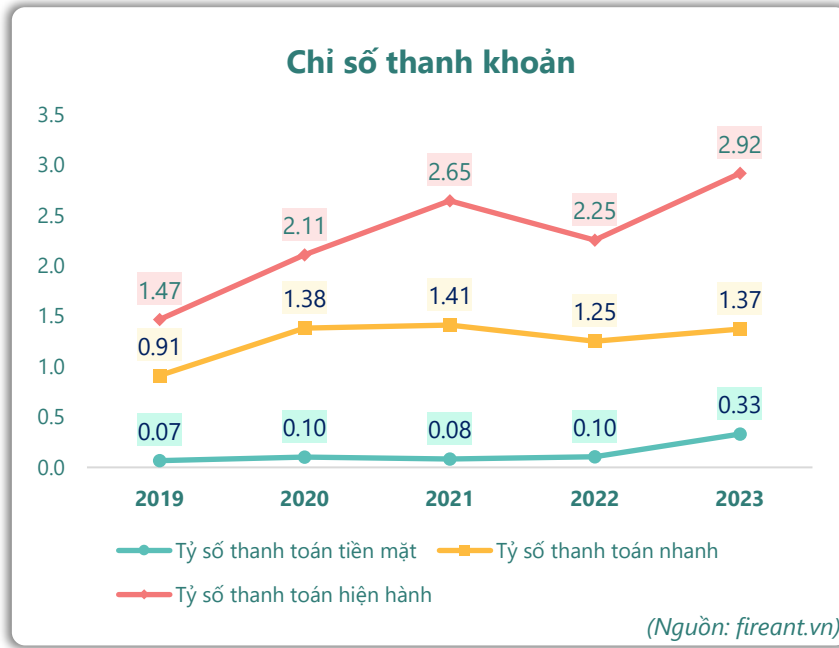
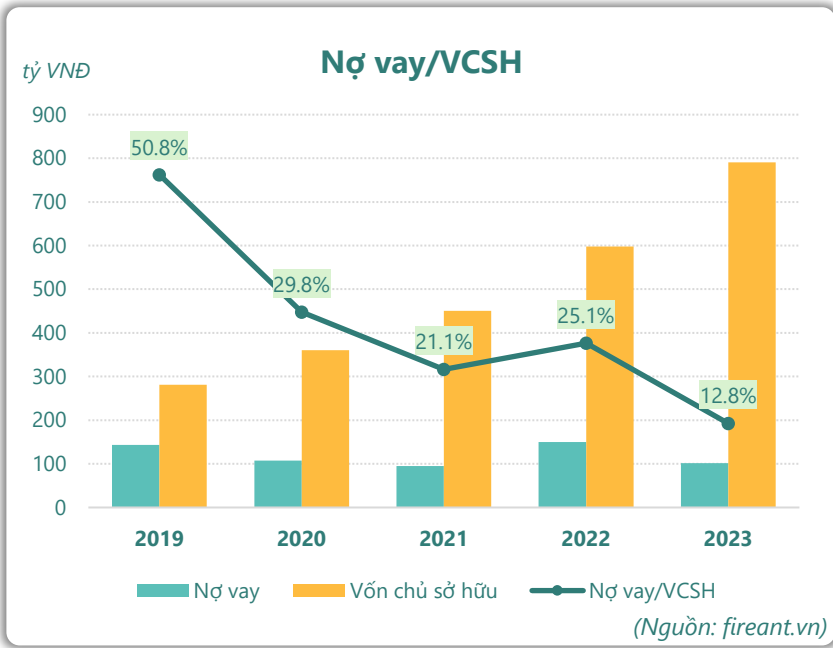


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	325	282	15.2%	1,113	788	41.3%
Giá vốn hàng bán	136	133	2.0%	504	380	32.4%
Lợi nhuận gộp	189	149	27.0%	610	408	49.6%
Doanh thu HĐTC	0.32	0.77	-58.4%	1.03	1.65	-37.7%
Chi phí TC	2.44	3.92	-37.9%	9.93	9.41	5.6%
Chi phí lãi vay	1.87	2.97	-36.9%	8.98	8.05	11.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	120	90.0	33.4%	330	236	39.8%
Chi phí QLDN	15.0	14.0	6.8%	39.0	31.4	24.1%
LN thuần từ HĐKD	52.1	41.5	25.6%	232	132	75.2%
Lợi nhuận khác	-1.53	-0.06	-2451%	-1.43	-0.66	-115%
LN trước thuế	50.6	41.5	21.9%	230	132	75.0%
Lợi nhuận sau thuế	48.6	36.8	32.2%	210	125	68.5%
LNST của CĐ cty mẹ	48.6	36.8	32.2%	210	125	68.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-33.0	94.7	9.54	49.2	37.3	62.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.81	-83.7	-3.63	-22.4	-10.2	-4.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.2	-12.8	-10.0	-29.7	-17.4	-4.46
Tiền đầu kỳ	70.4	25.4	23.7	19.5	16.7	26.5
Lưu chuyển tiền thuần	-45.0	-1.75	-4.11	-2.86	9.78	53.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.04	0	0.05
Tiền cuối kỳ	25.4	23.7	19.5	16.7	26.5	79.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	1,081	895	20.7%
Tài sản ngắn hạn	704	512	37.4%
Tiền và tương đương tiền	79.8	23.7	238%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	244	248	-1.3%
Hàng tồn kho	373	228	63.8%
Tài sản ngắn hạn khác	6.48	13.3	-51.3%
Tài sản dài hạn	377	382	-1.5%
Phải thu dài hạn	3.01	2.34	28.6%
Tài sản cố định	329	332	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.1	32.7	-65.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	33.3	15.6	114%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	290	297	-2.4%
Nợ ngắn hạn	241	227	6.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.0	84.9	-31.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	62.5	46.8	33.5%
Nợ dài hạn	48.6	69.7	-30.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	43.5	65.2	-33.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	791	598	32.2%
Vốn chủ sở hữu	791	598	32.2%
Vốn điều lệ	162	162	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0.00	-100%

(Nguồn: fireant.vn)